

Bản án số: 98/2025/DS-ST

Ngày: 04/9/2025.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị L Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đào.

2. Ông Nguyễn Thành Luân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm số: 136/2025/TLST-DS ngày 20/3/2025, về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐXXST-DS ngày 22/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2025/QĐST-DS ngày 19/8/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 04 khu phố S, Phường Ch, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Nay là phường Mỹ Ph, tỉnh Đồng Tháp).

Đại diện ủy quyền: Chị Hồ Thị N, sinh năm 1976 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 567 khu phố S, Phường Ch, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Nay là phường Mỹ Ph, tỉnh Đồng Tháp).

Theo Giấy ủy quyền có Số Công chứng 2557, quyền số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/02/2025.

2/ **Bị đơn:** Anh Huỳnh Bửu Th, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số H43 Đường L, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Nay là phường Th, tỉnh Đồng Tháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng chị Hồ Thị N đại diện ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Thị L trình bày: Bà Phạm Thị L và anh Huỳnh Bửu Th có quen biết nhau. Ngày 11/02/2020 bà L có cho anh Thành mượn số tiền 200.000.000 đồng và có viết biên nhận mượn tiền và hẹn 02 tháng sau trả lại số tiền đã mượn cho bà L, cụ thể như sau: “Tôi tên Huỳnh Bửu Th, sinh năm 1975, ĐC: H43 Đường L, Phường S, TP.M, TG. Hôm nay ngày

11/02/2020 tôi có mượn tiền của chị Phạm Thị L số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Hẹn 02 tháng sau tôi hoàn trả lại số tiền trên”, biên nhận mượn tiền này anh Huỳnh Bửu Th ký tên.

Sau khi đến thời hạn trả nợ bà L nhiều lần yêu cầu anh Huỳnh Bửu Th trả tiền cho bà L nhưng anh Bửu không trả. Việc anh Thành mượn tiền của bà L nay đã quá lâu không trả làm cho công việc làm ăn của bà L gặp khó khăn. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Huỳnh Bửu Th phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền là 200.000.000đồng; không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn anh Huỳnh Bửu Th đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Thành vắng mặt, không có gửi văn bản trình bày ý kiến về việc bà L khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đại diện uỷ quyền của bà Phạm Thị L là chị Hồ Thị N có Đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt; anh Huỳnh Bửu Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Huỳnh Bửu Th trả nợ vay và có lập thành văn bản. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L yêu cầu bị đơn anh Huỳnh Bửu Th trả nợ số tiền 200.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Phạm Thị L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chứng cứ theo yêu cầu khởi kiện này là Biên nhận ngày 11/02/2020 bà L có cho anh Thành mượn số tiền 200.000.000 đồng và việc cho vay này đã được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của anh Huỳnh Bửu Th. Từ khi viết biên nhận và cam kết trả nợ đến nay thì anh Thành không trả cho bà L khoản tiền nào. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định pháp luật, bị đơn anh Thành không có ý kiến phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự: “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”, thì bà Phạm Thị L không cần phải chứng minh những tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Như vậy, bà L đã thực hiện nghĩa vụ giao tài sản

là tiền vay theo thỏa thuận cho anh Thành, anh Thành đã nhận đủ tiền, nhưng đến nay anh Thành không thực hiện việc trả tiền đầy đủ cho bà L theo thỏa thuận. Vì vậy, anh Thành đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà L. Xét thấy, hợp đồng vay giữa các đương sự được xác lập và thực hiện từ năm 2020, căn cứ quy định tại Điều 471, khoản 4 Điều 474, Điều 688 của Bộ luật Dân sự, nên bà L khởi kiện yêu cầu anh Thành trả số tiền gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 471, khoản 4 Điều 474, Điều 688 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L.

Buộc anh Huỳnh Bửu Th phải trả cho bà Phạm Thị L số tiền nợ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Phạm Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Huỳnh Bửu Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Huỳnh Bửu Th phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Phạm Thị L được miễn tạm ứng án phí do bà là người cao tuổi.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV1, tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV1, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự:
 - + Bà Phạm Thị L;
 - + Chị Hồ Thị N;
 - + Anh Huỳnh Bửu Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉ XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị L Thương